ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 320 /QĐ-UBND	*Đắk Nông, ngày 08 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2018- 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1434/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 4464/QĐ-BNN-TCTS ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Quyết định số 1434/ QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 28/TTr -SNN ngày 05 tháng 02 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã triển khai thực hiện Kế hoạch này; thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTKH, NN (Hu).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Thanh Tùng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày tháng 3 năm 2018

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Ban hành kèm theo Quyết định số 320 /QĐ-UBND ngày 07 /3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

I. MỤC TIÊU

Khai thác tiềm năng, lợi thế phát triển bền vững ngành thủy sản của tỉnh; cơ cấu sản xuất hợp lý, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả gắn với bảo vệ nguồn lợi, môi trường sinh thái, từng bước nâng cao thu nhập cho người dân tham gia hoạt động thủy sản và góp phần vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2020:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành thủy sản đạt 6%;

- Tổng sản lượng thủy sản đạt 5.500 tấn;

- Chủ động sản xuất được khoảng 1 triệu con giống chất lượng, sạch bệnh;

- Đạt từ 20-30% diện tích nuôi và 30-40% số lồng nuôi (tương đương 150-200 lồng) ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất; 10% diện tích nuôi thâm canh các đối tượng chủ lực đạt, các loài cá kinh tế chứng nhận VietGAP.

- Thả khoảng 179.000 con giống các loài: Cá truyền thống (cá trắm cỏ, cá chép, cá trôi), cá bản địa (cá lăng, cá chình, cá thát lát).

- Cơ bản kiểm soát được việc sử dụng xung điện, các ngư cụ cấm để đánh bắt, khai thác thủy sản.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN THỦY SẢN TRONG CÁC NĂM TRƯỚC (TỪ NĂM 2016 - 2017)

1. Một số kết quả đạt được

a) Về nuôi trồng thủy sản

Năm 2016, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 1.700 ha và sản lượng từ nuôi trồng đạt 3.800 tấn; năm 2017, diện tích nuôi đạt 1.700 ha, sản lượng từ nuôi trồng thủy sản 4.148 tấn. Nguồn vốn đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản: Ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư xây dựng Trung tâm giống thủy sản: giai đoạn 1 (30 tỷ đồng), giai đoạn 2 từ vốn vay ADB (44 tỷ đồng).

b) Về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Năm 2016, sản lượng từ khai thác 750 tấn; năm 2017, sản lượng ước đạt 614 tấn (bằng 81,87% so với năm 2016). Số lượng cá đã thả ra thủy vực tự nhiên 17.972 con cá giống các loại.

2. Một số tồn tại, nguyên nhân chủ yếu

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn mặt tồn tại, hạn chế trong công tác triển khai thực hiện công tác quản lý về thủy sản như:

- Phương thức nuôi thuỷ sản còn nhỏ lẻ và phân tán. Trình độ dân trí không đồng đều, nhận thức của người dân về đầu tư phát triển theo hướng trang trại còn hạn chế, mức độ đầu tư cho nuôi thuỷ sản ở mức thấp.

- Các địa phương chưa tận dụng hết các điều kiện tự nhiên sẵn có để phục vụ cho phát triển nuôi thuỷ sản. Hạ tầng cơ sở, giao thông còn nhiều khó khăn, đặc biệt ở các xã vùng sâu, vùng xa làm cản trở việc lưu thông hàng hóa, cũng như việc tuyên truyền và thu hút đầu tư.

- Kỹ thuật người nuôi còn hạn chế, vốn đầu tư vào thủy sản lớn nên phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh chưa khai thác hết tiềm năng mặt nước. Người nuôi thủy sản từng bước có đầu tư và áp dụng khoa học kỹ thuật vào nuôi thâm canh, bán thâm canh và nuôi ghép, nhưng quy mô nuôi còn nhỏ lẻ, chưa khai thác hết tiềm năng mặt nước để đưa vào nuôi trồng thủy sản. Thiệt hại về thủy sản còn xẩy ra do người dân chưa biết chủ động quản lý, ứng phó với thiên tai trong mùa mưa lũ.

- Chưa có cơ sở nuôi đạt chứng nhận nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP); công tác quan trắc, cảnh báo môi trường chưa được thực hiện.

- Nguồn giống 100% nhập từ các tỉnh ngoài. Con giống chưa được kiểm định, con giống vận chuyển đường dài nên không đảm bảo chất lượng con giống, tỷ lệ hao hụt lớn.

- Ngành thủy sản của tỉnh chưa được chú trọng, quan tâm của các cấp chính quyền; chưa bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ quản lý về thủy sản (trong đó có nhiệm vụ về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản theo Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13/2/2012 và Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 30/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ); không có kinh phí để thực hiện công tác điều tra nguồn lợi thủy sản mà chỉ tổng hợp trên cơ sở khảo sát, thống kê nên thiếu cơ sở dự báo và quản lý.

Hiện nay, ngành thủy sản đang được người dân quan tâm, chú trọng phát triển tăng năng suất, hiệu quả kinh tế. Tuy nhiên, việc phát triển nuôi manh mún, nhỏ lẻ, tự phát; cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản không có dẫn đến việc áp dụng đồng bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất gặp nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến tốc độ phát triển ngành thủy sản của tỉnh. Mặt khác, nguồn vốn đầu tư của tỉnh (ngân sách Trung ương và địa phương) thấp, nên không bố trí được nguồn vốn đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng (nuôi trồng thủy sản tập trung), đầu tư cho các dự án phát triển nuôi công nghệ cao để thúc đẩy phát triển thủy sản theo hướng bền vững.

III. CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Về đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản

- Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến gắn với liên kết tiêu thụ sản xuất. Nâng cao năng lực sản xuất giống của Trung tâm giống thủy sản tỉnh; phát triển đàn cá bố mẹ chất lượng, kháng bệnh. Nuôi thử nghiệm các loài giống thủy sản mới, có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh. Tổ chức tập huấn quy trình kỹ thuật nuôi và công tác đánh bắt, khai thác thủy sản; phổ biến, giáo dục pháp luật thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Điều tra, nghiên cứu điều chỉnh cơ cấu ngành thủy sản phù hợp với điều kiện thực tế các huyện, thị xã Gia Nghĩa. Đầu tư dụng cụ, trang thiết bị phục vụ quan trắc môi trường và cảnh báo dịch bệnh thủy sản.

- Ứng dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP) để đảm bảo đến năm 2020, ít nhất 10% diện tích nuôi được cấp chứng nhận VietGAP; ứng dụng công cao vào sản xuất, nuôi trồng thủy sản.

- Nâng cao hiệu quả kiểm soát bảo vệ môi trường nuôi, phòng trừ dịch bệnh; kiểm soát chất lượng và sử dụng hợp lý thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc hóa chất trong nuôi trồng thủy sản đảm bảo 100% sản phẩm nuôi an toàn vệ sinh thực phẩm.

2. Đầu tư phát triển khai thác thủy sản; bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

- Tổ chức điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản toàn tỉnh: Điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản vùng nội địa, trong đó ưu tiên điều tra tại các lưu vực sông, suối, hồ chứa lớn, có các giống loài thủy sản đặc hữu, có tính đa dạng sinh học cao, khu vực tập trung các bãi giống, bãi đẻ của các loài thủy sản. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nguồn lợi thủy sản phục vụ công tác quản lý và dự báo.

- Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn vùng nước nội địa nhằm khôi phục và bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản, đặc biệt là các bãi sinh sản, Khu bảo vệ thủy sản, là nơi tập trung các loài thủy sản còn non, nơi cư trú của các giống loài thủy sản. Phấn đấu, đến năm 2020, hoàn thành Quy hoạch chi tiết 01 khu bảo tồn thủy sản nội địa cấp tỉnh.

- Phục hồi, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản bằng việc hàng năm thả giống nhân tạo ra các thủy vực tự nhiên.

3. Phát triển chế biến, thương mại thủy sản

- Kiểm soát, quản lý chất lượng các sản phẩm chế biến thủy sản đáp ứng thị trường trong và ngoài nước.

- Phát triển sản xuất theo hướng đầu tư và liên kết tiêu thụ sản phẩm. Tổ chức thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác về nuôi trồng thủy sản.

- Xây dựng các gian hàng cá sạch tại các chợ trung tâm thuộc huyện, thị xã nhằm thực hiện chuỗi liên kết từ cung ứng con giống - cá thương phẩm; thuốc, thức ăn thủy sản đến người tiêu dùng để hỗ trợ đầu ra cho người dân. Nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

4. Các nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch

(Có phụ lục danh mục các nhiệm vụ kèm theo)

IV. TỔNG VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguồn kinh phí: từ nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia "Phát triển kinh tế thủy sản bền vững".

2. Tổng vốn thực hiện: **189.226.576.000** đồng (*Một trăm tám mươi chín tỷ, hai trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng)*

Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương: **169.498.616.000** đồng *(Một trăm sáu mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm mười sáu nghìn đồng);*

- Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương: **19.728.960.000** đồng *(Mười chín tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng);*

- Vốn huy động hợp pháp khác: **1.000.000.000** *(Một tỷ đồng chẵn).*

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Xây dựng chính sách

- Rà soát, xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành các cơ chế, chính sách, các văn bản quản lý điều hành và hướng dẫn để triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Ban hành cơ chế chính sách huy động nguồn lực của địa phương và ngoài ngân sách phù hợp với điều kiện của tỉnh để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của kế hoạch.

2. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức, kinh doanh trong thủy sản; rà soát quy hoạch, các dự án đầu tư của chương trình

- Kêu gọi đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung nhằm thuận lợi trong việc áp dụng công nghệ cao vào sản xuất, dễ dàng kiểm soát dịch bệnh và an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Tổ chức thực hiện và quản lý có hiệu quả quy hoạch thủy sản; thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp với thực tại; tổ chức lại sản xuất trong ngành nuôi trồng thủy sản theo hướng tập trung, nâng dần diện tích nuôi bán thâm canh, thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất.

- Thả giống nhân tạo các hồ chứa thủy lợi, thủy điện nhằm phục hồi và tái tạo nguồn lợi thuỷ sản đã bị khai thác cạn kiệt, bằng cách tăng cường nguồn giống bổ sung cho tự nhiên.

- Tuyên truyền về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thuỷ sản nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ cấp huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn và người dân về pháp luật trong lĩnh vực thuỷ sản, lợi ích của việc bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống của các loài thuỷ sản đối với chính cộng đồng ngư dân cũng như toàn xã hội, từng bước xã hội hoá công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Tổ chức thanh, kiểm tra các hoạt động trong nuôi trồng, khai thác thủy

sản trên địa bàn tỉnh, đặc biệt tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm, kịp thời các hoạt động khai thác thủy sản vi phạm pháp luật, đặc biệt là các hoạt động khai thác mang tính hủy diệt dùng chất nổ, chất độc, xung điện khai thác thuỷ sản; sử dụng các loại ngư cụ có mắt lưới nhỏ hơn quy định; sử dụng các loại ngư cụ có mắt lưới nhỏ hơn quy định; khai thác các loài thuỷ sản quí hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng: cá Mõm trâu, cá Anh vũ…; các loài thủy sản ngoài còn non.

- Xây dựng mô hình đồng quản lý nghề cá: Nâng cao ý thức quản lý cộng đồng đối với ngư dân cùng một loại nghề khai thác thủy sản đồng thời thực hiện tốt các hoạt động cơ bản như hỗ trợ nhau về kỹ thuật, tương trợ khi gặp sự cố hoặc thiên tai, giám sát thực thi pháp luật, thiết lập cầu nối giữa đại diện ngư dân với ngành chủ quản, quản lý tốt về phát triển và vận động sự đóng góp và tham gia công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản nhằm gắn với trách nhiệm cộng đồng trong công tác quản lý, bảo vệ nguồn lợi, môi trường sống của các loài thủy sản và xây dựng nông thôn mới.

3. Phát triển và nâng cao nguồn nhân lực

- Xây dựng Đề án phát triển thủy sản tỉnh Đắk Nông đến năm 2030. Hoàn thiện xây dựng Trung tâm giống thủy sản Đắk Nông và mạng lưới cơ sở kinh doanh, phân phối giống thủy sản vệ tinh.

- Tổ chức tập huấn quy trình kỹ thuật nuôi và công tác đánh bắt, khai thác thủy sản; phổ biến, giáo dục pháp luật thủy sản trên toàn tỉnh; chuyển giao kỹ thuật, quy trình sản xuất giống các loài cá truyền thống, cá cảnh và một số loài cá có giá trị kinh tế cao.

- Nâng cao năng lực nguồn lực thủy sản: Nâng cao năng lực cán bộ quản lý; Đào tạo đội ngũ cán bộ và lao động kỹ thuật; Cử cán bộ công chức đi đào tạo nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra thủy sản, xây dựng hệ thống thanh, kiểm tra giống thuỷ sản.

- Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và với các Trường Đại học, các viện; kêu gọi các nhà tài trợ hỗ trợ, đầu tư phát triển thủy sản của tỉnh.

4. Tăng cường các nguồn lực tài chính để thực hiện kế hoạch

4.1. Tăng cường các nguồn lực tài chính

- Lập kế hoạch sử dụng vốn từ Ngân sách nhà nước, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), các nguồn đầu tư xã hội, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bảo đảm mục tiêu thực hiện Chương trình;

- Lập kế hoạch xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức tài chính, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, cá nhân tham gia đầu tư sản xuất thủy sản.

4.2. Cơ cấu nguồn vốn

a) Cơ cấu vốn đầu tư các Dự án nuôi trồng thủy sản tập trung, các dự án đầu tư về khai thác thủy sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển

thủy sản và Nghị định số 17/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số một số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản:

- Ngân sách Trung ương (bao gồm cả nguồn vốn ODA được huy động thông qua các hình thức hợp tác đa phương, song phương, vốn tài trợ không hoàn lại) hỗ trợ đầu tư các hạng mục hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng sản xuất giống tập trung, bao gồm: hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, hệ thống điện, công trình xử lý nước thải chung; nâng cấp cơ sở hạ tầng Trung tâm giống thủy sản của tỉnh.

- Bố trí kinh phí (từ ngân sách địa phương; thực hiện lồng ghép với các Chương trình, dự án liên quan khác trên địa bàn) thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư; duy tu các hạng mục công trình hạ tầng và chi phí bộ máy quản lý sau đầu tư đối với các vùng nuôi, khu sản xuất giống bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Vốn tín dụng đầu tư theo cơ chế tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ.

- Vốn tín dụng thương mại theo cơ chế tại Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.

- Vốn huy động hợp pháp của các thành phần phần kinh tế khác:

+ Vốn đầu tư của doanh nghiệp, các thành phần kinh tế được khuyến khích tham gia thực hiện Chương trình theo các quy định của Luật Đầu tư.

+ Nhà nước khuyến khích hỗ trợ đầu tư phát triển thủy sản thông qua chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn ban hành kèm theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

+ Doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác tham gia đầu tư vào các công trình, dịch vụ công theo hình thức đối tác công tư (PPP) để phát triển thủy sản theo quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo các hình thức đối tác công tư.

+ Nguồn vốn huy động hợp pháp từ các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng thực hiện theo quy định của địa phương, không trái với các quy định về phân bổ nguồn vốn tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính ban hành Quy chế sử dụng nguồn vốn huy động khác thực hiện Chương trình.

- Lồng ghép, phối hợp với các Chương trình khác có liên quan của tỉnh.

b) Mức ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư: Tối đa 90% kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung cho tỉnh do chưa tự cân đối

được ngân sách.

4.3. Thu hút các nguồn lực xã hội; khuyến khích đầu tư tư nhân

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện:

- Các chính sách mới của Nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất thủy sản;

- Chuyển dần việc cung cấp một số dịch vụ công sang cho tư nhân và các tổ chức xã hội thực hiện: tiến dần đến xã hội hóa công tác thả cá giống tái tạo nguồn lợi thủy sản; thành lập Chi hội nghề cá có sự tham gia quản lý của người dân để thực hiện công tác bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Phát triển các hình thức đối tác công tư, hợp tác công tư;

- Đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư để thu hút các doang nghiệp trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất thủy sản.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Làm đầu mối giúp UBND tỉnh điều hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch này và tham mưu UBND tỉnh quy định cụ thể về cơ chế phân cấp quản lý cho các ngành, UBND các huyện, thị xã thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở, ngành có liên quan rà soát, nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế chính sách huy động nguồn lực của địa phương và ngoài ngân sách phù hợp với điều kiện của tỉnh để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ với chương trình *(nông thôn mới, Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các dự án về phát triển hạ tầng thủy lợi)*

- Chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí chương trình theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao theo phân cấp có hiệu quả, không để thất thoát; đảm bảo việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình phù hợp với các tiêu chuẩn, định mức phân bổ vốn theo quy định.

- Đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện, tổng hợp tình hình và kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững phù hợp với điều kiện tại địa phương.

- Giao đơn vị đầu mối giúp UBND huyện, thị xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn quản lý.

- Phê duyệt kế hoạch thực hiện giai đoạn 2018-2020 trên phạm vi địa phương và bố trí cân đối nguồn vốn từ ngân sách huyện, thị xã, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

- Nghiên cứu, tham mưu đề xuất UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ban hành cơ chế, chính sách huy động nguồn lực của tỉnh và vốn ngoài ngân sách phù hợp với điều kiện địa phương để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Kế hoạch; thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ với Kế hoạch.

- Chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao trên địa bàn tỉnh có hiệu quả, không để thất thoát; đảm bảo việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phù hợp với các tiêu chuẩn, định mức phân bổ vốn theo quy định.

- Thường xuyên rà soát, đề xuất (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển thủy sản; tổ chức lại công tác sản xuất nuôi trồng thủy sản; khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản để tạo sự ổn định, nâng cao giá trị sản phẩm và lợi nhuận cho người dân địa phương, đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Chỉ đạo thực hiện, tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch quy định; định kỳ báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trước ngày 01/6 và 01/12 hàng năm.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức tuyên truyền, giáo dục để nhân dân nhận thức đầy đủ, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đấu tranh, tố giác các hành vi sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các loại chất nổ, chất độc, xung điện để khai thác thủy sản.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Rà soát, đề xuất điều chỉnh bổ sung các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đầu tư công giai đoạn 2018-2020 phù hợp với Mục tiêu chương trình phát triển kinh tế thủy sản bền vững của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh trình Chính phủ bổ sung danh mục, nguồn vốn cho các dự án ưu tiên thực hiện kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch trung hạn và hàng năm để thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thuộc chương trình.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện chương trình trên toàn tỉnh.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ, bố trí nguồn vốn cho các dự án, hoạt động để thực hiện Kế hoạch theo khả năng ngân sách.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, điều chỉnh các chính sách và kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện chương trình trên toàn tỉnh.

5. Các Sở, Ban, ngành liên quan: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể và phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của kế hoạch được phân công./.

PHỤ LỤC 01.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦY SẢN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 310 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục	Dự kiến địa điểm thực hiện	Quy mô	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Nhu cầu đầu tư				Thời gian thực hiện	Ghi chú
						Tổng nguồn vốn, trong đó:	NSTW	NSĐP	Nguồn vốn khác		
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu, vùng nuôi trồng thủy sản tập trung	Huyện Đắk R'lấp, thị xã	30-50 (ha/ vùng)	Sở Nông nghiệp và Phát nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở xây dựng, Nhà đầu tư	110.000	99.000	11.000		2018-2020	Thực hiện theo Quy định tại Khoản 3, Điều 3, Nghị định 67/2014/NĐ-CP
2	Dự án hỗ trợ phát triển nuôi cá lồng trên hồ chứa	Thị xã Gia Nghĩa, huyện Krông Nô, Đắk Glong, Cư Jút	250 (Lồng)	Sở Nông nghiệp và Phát nông thôn	Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã	10.000	9.000		1.000	2018-2020	Đề án Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao
3	Dự án: Khảo sát, lập quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn thủy sản nội địa cấp tỉnh	Điểm hợp lưu sông Sesêpôk, giáp Campuchia, xã Đăk Wil, huyện Cư Jút	100 (ha)	Sở Nông nghiệp và Phát nông thôn	Các Sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã; Đơn vị tư vấn	850		850		2019-2020	điểm a, khoản 1, Điều 5; Thông tư số 88/2014/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 04/7/2014 (lồng ghép trong Kế hoạch thực hiện Quyết định 188/QĐ-TTg và chỉ số 19/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ)
4	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng Trung tâm giống thủy sản tỉnh Đăk Nông (giai đoạn 2)	Xã Đức Minh, huyện Đăk Mil	16 (ha)	Sở Nông nghiệp và Phát nông thôn	Các Sở, ngành có liên quan	68.376,576	61.498,616 (Vốn vay ADB)	6.877,960 (đối ứng)		2014-2018	1734/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/7/2013; 3168/QĐ-BNN-KH ngày 28/7/2016
TỔNG						**189.226,576**	**169.498,616**	**19.728,960**	**1.000**		

(Một trăm tám mươi chín tỷ, hai trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng)

PHỤ LỤC 02.

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 320 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 03 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Các nhiệm vụ chính	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế chính sách huy động nguồn lực của địa phương và ngoài ngân sách phù hợp với điều kiện của tỉnh để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của kế hoạch; quy chế sử dụng nguồn vốn huy động thực hiện Chương trình của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát nông thôn	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã	Quý II/2018	
2	Xây dựng quy định cụ thể về cơ chế phân cấp quản lý cho các ngành, UBND các huyện, thị xã thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện của địa phương.	Sở Nông nghiệp và Phát nông thôn	UBND các huyện, thị xã; Các Sở, Ban, ngành có liên quan.	Quý II/2018	
3	Rà soát, đề xuất điều chỉnh bổ sung các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đầu tư công giai đoạn 2018-2020 phù hợp với Mục tiêu chương trình phát triển kinh tế thủy sản bền vững của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính; UBND các huyện, thị xã	Quý II/2018	
4	Lồng ghép các hoạt động xúc tiến đầu tư, thông tin cho nhà đầu tư, nhà tài trợ cung cấp vốn, chính quyền địa phương để thu hút vốn ngoài ngân sách xây dựng cơ sở hạ tầng thủy sản	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã; Các Sở, ban, ngành có liên quan.	Thường xuyên/hàng năm	
5	Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Phát nông thôn	UBND các huyện, thị xã; Các Sở, Ban, ngành có liên quan.	Thường xuyên/hàng năm	
6	Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình	Sở Nông nghiệp và Phát nông thôn	UBND các huyện, thị xã; Các Sở, Ban, ngành có liên quan	Thường xuyên/ hàng năm	